

Công văn

V/v: Giải trình KQKD riêng Quý 2/2018

Tiền Giang, ngày 08 tháng 06 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, áp dụng tại Mục 4, Mục 5, Điều 11:

“4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, 2, 3 Điều này, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

d) Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

5. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn có công ty con, công ty liên kết hoặc có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của bản thân công ty đó và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp.”

Bảng thể hiện các thay đổi trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa quý 2 năm 2018 so với cùng kỳ năm 2017:

CHỈ TIÊU	QUÝ 2/2018	QUÝ 2/2017	CHÊNH LỆCH	
			Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	756.351.025.031	1.453.791.434.326	(697.440.409.295)	-48%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.264.554.593	190.106.671	15.074.447.922	7930%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	741.086.470.438	1.453.601.327.655	(712.514.857.217)	-49%
4. Giá vốn hàng bán	833.054.146.896	1.437.297.833.115	(604.243.686.219)	-42%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(91.967.676.458)	16.303.494.540	(108.271.170.998)	-664%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	198.448.977.715	66.023.854.049	132.425.123.666	201%
7. Chi phí tài chính	57.611.184.877	55.751.111.794	1.860.073.083	3 %
- Trong đó: Chi phí lãi vay	46.378.951.162	30.326.595.685	16.052.355.477	53%
8. Chi phí bán hàng	63.437.374.452	72.930.821.878	(9.493.447.426)	-13%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.805.712.690	27.424.982.381	(17.619.269.691)	-64%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(24.372.970.762)	(73.779.567.464)	49.406.596.702	-67%
11. Thu nhập khác	310.909.746	296.425.042	14.484.704	5%
12. Chi phí khác	8.737.577	285.988.943	(277.251.366)	-97%
13. Lợi nhuận khác	302.172.169	10.436.099	291.736.070	2796%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(24.070.798.593)	(73.769.131.365)	49.698.332.772	-67%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.617.815.584	4.338.850.701	278.964.883	6%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(28.688.614.177)	(78.107.982.066)	49.419.367.889	-63%

Căn cứ các số liệu thể hiện ở bảng trên, Công ty Cổ Phần Hùng Vương (“Công ty”) (mã chứng khoán HVG) xin được giải trình các thay đổi trọng yếu như sau:

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 697.440.409.295 đồng, tương đương 48%, chủ yếu do:
 - Doanh thu xuất khẩu thủy sản giảm 87 tỷ, tương đương 20%
 - Doanh thu nội địa thủy sản giảm 253 tỷ, tương đương 50%
 - Doanh thu bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (bã nành, bắp, lúa mì ...) giảm 334 tỷ, tương đương 72%
 - Doanh thu bán phụ phẩm giảm 45 tỷ, tương đương 100%
2. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 108.271.170.998 đồng, chủ yếu do:
 - Lợi nhuận gộp từ hoạt động thủy sản xuất khẩu giảm 45 tỷ
 - Lợi nhuận gộp từ hoạt động thủy sản nội địa giảm 126 tỷ
 - Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi tăng 74 tỷ
 - Quý 2/2018 không có hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong khi quý 2/2017 ghi nhận khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho 12.232.234.667 đ
3. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 201% (tương ứng 132 tỷ đồng) chủ yếu do khoản lãi 112 tỷ từ việc thoái vốn Công ty CP Thức Ăn Chăn Nuôi Việt Thắng (HOSE: VTF) và gần 30 tỷ tăng từ nguồn cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty con.
4. Chi phí tài chính tăng 1.860.073.083 đồng, tương đương 3%, trong đó:
 - Lãi vay tăng 53% (tương ứng 16 tỷ đồng)
 - Hoàn nhập lỗ từ khoản đầu tư vào Công ty CP Địa Ốc An Lạc 2,2 tỷ đồng, giảm các chi phí giao dịch chứng khoán gần 2,6 tỷ và lỗ chênh lệch tỷ giá cũng giảm 46% (tương ứng 10,6 tỷ) do 2 nguyên nhân: Một, Công ty đã giảm được các khoản nợ phải trả nước ngoài; Hai, Công ty được hoàn nhập lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ khoản nợ từ trái phiếu khi đã trả hết trong quý 2 năm 2018.
5. Chi phí bán hàng giảm 13% (tương ứng 9,5 tỷ đồng) do Công ty đã giảm được chi phí hoa hồng môi giới cho các cá nhân và công ty môi giới khoảng 2,5 tỷ đồng (lượng hàng bán ra giảm), đồng thời tiết kiệm được một số chi phí bán hàng khác gần 6 tỷ đồng.
6. Các chỉ tiêu khác ảnh hưởng không đáng kể.

Ảnh hưởng của các yếu tố trên làm lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp quý 2 năm 2018 giảm 63% so với cùng kỳ năm 2017, tương đương giảm 49,4 tỷ đồng.

Trên đây là giải trình cho các thay đổi trọng yếu của số liệu Báo cáo kết quả kinh doanh riêng quý 2 năm 2018 so với quý 2 năm 2017 của Công ty Cổ Phần Hùng Vương.

Trân trọng.



DƯƠNG NGỌC MINH

Nơi nhận: - Như trên
- Bộ phận tài chính kế toán